

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	06-07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10-43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán Quý I năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đức Thuần	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Xuân Vinh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/03/2026
Ông Nguyễn Quang Phi Tín	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/03/2026

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Huyền	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên
Ông Ngô Văn Thuận	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,287,078,975,840	1,044,365,801,277
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	33,872,999,314	22,903,169,270
1. Tiền	111		17,142,002,149	6,217,797,139
2. Các khoản tương đương tiền	112		16,730,997,165	16,685,372,131
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	202,200,000,000	30,200,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		202,200,000,000	30,200,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		683,550,661,743	739,984,948,960
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	426,522,031,645	582,159,870,769
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	256,413,560,584	134,710,008,678
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn			-	22,500,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	135	9	615,069,514	615,069,513
IV. Hàng tồn kho	140	10	355,932,431,077	246,074,692,194
1. Hàng tồn kho	141		355,932,431,077	246,074,692,194
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		11,522,883,706	5,202,990,853
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	14	894,988,506	646,288,620
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		10,618,127,087	4,546,934,120
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	18	9,768,113	9,768,113
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		414,588,535,189	442,560,839,463
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		152,000,000	152,000,000
1. Tài sản dài hạn khác	215	9	152,000,000	152,000,000
II. Tài sản cố định	220		254,088,920,926	257,841,184,197
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	252,686,457,924	256,204,977,362
- Nguyên giá	222		358,642,437,469	357,642,437,469
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105,955,979,545)	(101,437,460,107)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1,402,463,002	1,636,206,835
- Nguyên giá	228		6,098,456,667	6,098,456,667
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,695,993,665)	(4,462,249,832)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	250	11	139,384,448,655	139,384,448,655
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		139,384,448,655	139,384,448,655
V. Đầu tư tài chính dài hạn	260	6	-	24,148,357,445
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	24,148,357,445
VI. Tài sản dài hạn khác	270		20,963,165,608	21,034,849,166
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	14	17,452,760,308	17,782,424,034
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	22	2,601,940,535	2,214,179,686
3. Lợi thế thương mại	279		908,464,765	1,038,245,446
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	280		1,701,667,511,029	1,486,926,640,740

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,120,409,676,919	910,041,120,966
I. Nợ ngắn hạn	310		990,991,419,333	775,101,433,808
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	130,794,296,614	103,796,646,416
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	167,688,688,094	59,552,591,244
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	18	34,336,490,663	33,315,187,006
4. Phải trả người lao động	315		3,531,732,876	3,440,697,568
5. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	19	1,068,340,915	946,181,822
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	20	47,641,981,076	486,139,940
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	21	604,572,769,200	572,206,869,917
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,357,119,895	1,357,119,895
II. Nợ dài hạn	330		129,418,257,586	134,939,687,158
1. Phải trả dài hạn khác	338	20	1,789,140,000	1,789,140,000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	21	127,629,117,586	133,150,547,158
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		581,257,834,110	576,885,519,774
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	581,257,834,110	576,885,519,774
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		312,493,940,000	312,493,940,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		312,493,940,000	312,493,940,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79,978,400,000	79,978,400,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3,055,393,794	3,055,393,794
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		177,139,888,582	172,447,464,248
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	420a		173,426,585,089	123,811,057,065
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		3,713,303,493	48,636,407,183
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8,590,211,734	8,910,321,732
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1,701,667,511,029	1,486,926,640,740


Trần Thị Sáng
Người lập

Trần Thị Sáng
Kế toán trưởngNguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2026		Quý I năm 2025		Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026		Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	
			VND		VND		VND		VND	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	203,796,168,702		406,964,475,226		203,796,168,702		406,964,475,226	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	1,553,737,233		3,814,939,491		1,553,737,233		3,814,939,491	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		202,242,431,469		403,149,535,735		202,242,431,469		403,149,535,735	
4. Giá vốn hàng bán	11	26	166,937,807,485		372,153,995,696		166,937,807,485		372,153,995,696	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		35,304,623,984		30,995,540,039		35,304,623,984		30,995,540,039	
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-		-		-		-	
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	27	436,540,172		1,581,503,399		436,540,172		1,581,503,399	
8. Chi phí tài chính	23	28	11,227,446,212		14,065,472,920		11,227,446,212		14,065,472,920	
Trong đó: Chi phí lãi vay	24		15,348,760,897		13,910,761,907		15,348,760,897		13,910,761,907	
9. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	25		-		-		-		-	
10. Chi phí bán hàng	26	29	11,332,041,054		11,626,839,367		11,332,041,054		11,626,839,367	
11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	30	8,090,698,927		7,025,512,422		8,090,698,927		7,025,512,422	
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		5,090,977,963		(140,781,271)		5,090,977,963		(140,781,271)	
13. Thu nhập khác	31		52,737		14,408,824		52,737		14,408,824	
14. Chi phí khác	32		1,740,433,371		2,340,983,812		1,740,433,371		2,340,983,812	
15. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1,740,380,634)		(2,326,574,988)		(1,740,380,634)		(2,326,574,988)	
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3,350,597,329		(2,467,356,259)		3,350,597,329		(2,467,356,259)	

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

MÃ SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2026		Quý I năm 2025		Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026		Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	
			VND		VND		VND		VND	
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	2,096,030,649		2,981,502,281		2,096,030,649		2,981,502,281	
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1,876,281,470)		(1,682,042,144)		(1,876,281,470)		(1,682,042,144)	
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3,130,848,150		(3,766,816,396)		3,130,848,150		(3,766,816,396)	
20. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		3,713,303,493		(863,287,425)		3,713,303,493		(863,287,425)	
21. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(582,455,343)		(2,903,528,971)		(582,455,343)		(2,903,528,971)	
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32					119		(28)	



Trần Thị Sáng
Người lập

Trần Thị Sáng
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤTCho kỳ kế toán Quý I năm 2026
(Theo phương pháp gián tiếp)Mẫu số B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3,350,597,329	(2,467,356,259)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		4,752,263,271	5,639,438,945
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(436,540,172)	527,253,057
- Chi phí lãi vay	06		15,348,760,897	13,910,761,907
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23,015,081,325	17,610,097,650
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		27,605,114,082	13,653,431,860
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(109,857,738,883)	(24,903,999,448)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		177,694,160,694	(11,888,253,131)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		80,963,840	(1,991,997,415)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15,348,760,897)	(13,910,761,907)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(645,204,238)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		103,188,820,161	(22,076,686,629)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,000,000,000)	(1,262,144,180)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(149,500,000,000)	(52,044,092,419)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		31,000,000,000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		436,540,172	547,699,540
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(119,063,459,828)	(52,758,537,059)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		371,051,397,750	420,967,265,102
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(344,206,928,039)	(359,776,885,914)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		26,844,469,711	61,190,379,188

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤTCho kỳ kế toán Quý I năm 2026
(Theo phương pháp gián tiếp)Mẫu số B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		10,969,830,044	(13,644,844,500)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22,903,169,270	77,509,856,030
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	33,872,999,314	63,865,011,530


Trần Thị Sáng
Người lập

Trần Thị Sáng
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 03 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 312.493.940.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 là 312.493.940.000 đồng; tương đương 31.249.394 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các loại bánh.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mứt kẹo;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Cấu trúc Tập đoàn

Tổng số công ty con: 3

- Số lượng công ty con được hợp nhất trực tiếp: 3

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2026 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	Hà Nội	90.00%	90.00%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	96.72%	96.72%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An Hà Nam	Ninh Bình	99.00%	99.00%	Sản xuất sản phẩm từ plastic

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ

Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 44 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm đến 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí bảo hiểm, chi phí cải tạo, sửa chữa, công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí chờ phân bổ khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.*

Các khoản chi phí chờ phân bổ bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	7,257,631,401	4,118,545,938
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9,884,370,748	2,099,251,201
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	5,484,800,447	388,275,749
Ngân hàng TMCP Quân Đội	3,316,746,549	11,458,492
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1,286,497	1,004,125,711
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	5,407,625	270,490,383
Các ngân hàng khác	1,076,129,630	424,900,866
Các khoản tương đương tiền	16,730,997,165	16,685,372,131
	33,872,999,314	22,903,169,270

Tại 31/03/2026, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,2% - 4,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	202,200,000,000	202,200,000,000	-	52,700,000,000	52,700,000,000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	54,200,000,000	54,200,000,000	-	30,200,000,000	30,200,000,000	-
Cho vay	148,000,000,000	148,000,000,000	-	22,500,000,000	22,500,000,000	-
Ông Lê Hải Việt	10,000,000,000	10,000,000,000	-	10,000,000,000	10,000,000,000	-
Ông Trịnh Văn Thanh	5,000,000,000	5,000,000,000	-	5,000,000,000	5,000,000,000	-
Ông Nguyễn Cừ	7,500,000,000	7,500,000,000	-	7,500,000,000	7,500,000,000	-
Bà Lê Tú Ngân	15,000,000,000	15,000,000,000	-	-	-	-
Bà Phạm Hồng Hương	15,000,000,000	15,000,000,000	-	-	-	-
Ông Phan Văn Trình	15,000,000,000	15,000,000,000	-	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	15,000,000,000	15,000,000,000	-	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	12,000,000,000	12,000,000,000	-	-	-	-
Ông Đào Văn Hùng	12,000,000,000	12,000,000,000	-	-	-	-
Bà Đỗ Thị Mai	12,000,000,000	12,000,000,000	-	-	-	-
Bà Văn Thị Thu Hương	15,000,000,000	15,000,000,000	-	-	-	-
Ông Lương Đình Văn	14,500,000,000	14,500,000,000	-	-	-	-
	202,200,000,000	202,200,000,000	-	52,700,000,000	52,700,000,000	-

Tại 31/03/2026, khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng với lãi suất từ 3,2%/năm đến 4,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư HDE Holdings	54,761,877,249	-	56,385,486,224	-
Công ty cổ phần ABG Việt Nam	71,404,627,433	-	52,079,875,862	-
Công ty cổ phần đầu tư công nghệ phân phối FDC	51,221,187,967	-	50,435,336,960	-
Công ty TNHH Phát Triển Hải Việt Đan	35,503,000,000	-	35,503,000,000	-
Công ty Cổ phần thương mại Quốc tế Bavigo	77,655,492,973	-	78,357,276,032	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm FDV Việt Nam	36,691,278,062	-	36,691,278,062	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	99,284,567,961	-	272,707,617,629	-
	426,522,031,645	-	582,159,870,769	-
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	77,761,835,475	-	83,029,371,386	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần phân phối HDE	77,630,661,048	-	322,709,302	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Quốc tế Bảo Tín	13,233,000,000	-	13,233,000,000	-
Công ty Cổ phần Cà phê Mê Trang	28,044,114,102	-	16,722,274,191	-
Ông Lê Đức Thuận	43,300,000,000	-	43,300,000,000	-
Công ty TNHH XNK Bột mỳ Tuấn Yến	-	-	10,050,707,117	-
Công ty TNHH Gia Phúc Lâm	51,375,447,600	-	11,550,139,280	-
Trả trước khác	42,830,337,834	-	39,531,178,788	-
	256,413,560,584	-	134,710,008,678	-
b) Trả trước cho người bán là các bên liên	74,745,117,362	-	63,976,192,718	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

9 . PHẢI THU KHÁC

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	-	-	483,925,780	-
Phải thu khác	615,069,514	-	131,143,733	-
	615,069,514	-	615,069,513	-
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	152,000,000	-	152,000,000	-
	152,000,000	-	152,000,000	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	125,804,046,500	-	41,592,167,024	-
Hàng hoá	10,697,137,045	-	10,733,640,034	-
Hàng gửi đi bán	219,431,247,532	-	193,748,885,136	-
	355,932,431,077	-	246,074,692,194	-

11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	94,318,814,719	94,318,814,719	94,318,814,719	94,318,814,719
Dự án Nhà máy sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam ⁽¹⁾	27,417,323,817	27,417,323,817	27,417,323,817	27,417,323,817
Thiết kế Website	255,252,000	255,252,000	255,252,000	255,252,000
Dự án Nhà máy Bảo An Hà Nam ⁽²⁾	42,360,822,440	42,360,822,440	42,360,822,440	42,360,822,440
Cải tạo xưởng sản xuất	24,285,416,462	24,285,416,462	24,285,416,462	24,285,416,462
Sửa chữa lớn tài sản cố định	45,065,633,936	45,065,633,936	45,065,633,936	45,065,633,936
Sửa chữa toà nhà Bảo Ngọc	45,065,633,936	45,065,633,936	45,065,633,936	45,065,633,936
	139,384,448,655	139,384,448,655	139,384,448,655	139,384,448,655

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

⁽¹⁾ Dự án Nhà máy sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam được xây dựng dựa trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1056084566 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/01/2025. Mục tiêu của dự án là sản xuất các loại bánh từ bột. Địa điểm thực hiện dự án tại Lô B13b/I, đường số 2A, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư như sau: Tiến độ góp vốn đến quý 4/2025; Thời gian hoàn tất tổng vốn đầu tư đến quý 4/2027. Tiến độ xây dựng cơ bản từ quý 4/2025 đến quý 3/2027, thời gian lắp đặt máy móc thiết bị từ quý 4/2027 đến quý 2/2028, Nhà máy chính thức đi vào hoạt động từ quý 2/2028.

⁽²⁾ Dự án Nhà máy Bảo An Hà Nam được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 4324566706 lần đầu ngày 08/06/2022 và thay đổi lần thứ nhất ngày 31/10/2024 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp. Địa điểm thực hiện dự án tại Lô C, ô CN8; đường D4, Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư như sau: Tiến độ góp vốn đến tháng 10/2024; Tiến độ huy động vốn: đến tháng 8/2026; Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành, hoàn thành đầu tư xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và đưa dự án vào hoạt động từ tháng 8/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2026	242,292,339,710	101,266,875,655	7,793,337,272	6,076,754,832	213,130,000	357,642,437,469	
Mua sắm	-	1,000,000,000	-	-	-	1,000,000,000	
Tại ngày 31/03/2026	242,292,339,710	102,266,875,655	7,793,337,272	6,076,754,832	213,130,000	358,642,437,469	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2026	42,952,753,528	47,820,186,603	6,696,968,567	3,810,145,530	157,405,879	101,437,460,107	
Trích khấu hao	2,284,856,967	1,646,920,325	84,689,040	498,393,100	3,660,006	4,518,519,438	
Tại ngày 31/03/2026	45,237,610,495	49,467,106,928	6,781,657,607	4,308,538,630	161,065,885	105,955,979,545	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2026	199,339,586,182	53,446,689,052	1,096,368,705	2,266,609,302	55,724,121	256,204,977,362	
Tại ngày 31/03/2026	197,054,729,215	52,799,768,727	1,011,679,665	1,768,216,202	52,064,115	252,686,457,924	

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 32.082.629.773 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2026	6,098,456,667	6,098,456,667
Tại ngày 31/03/2026	6,098,456,667	6,098,456,667
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2026	4,462,249,832	4,462,249,832
Trích khấu hao	233,743,833	233,743,833
Tại ngày 31/03/2026	4,695,993,665	4,695,993,665
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2026	1,636,206,835	1,636,206,835
Tại ngày 31/03/2026	1,402,463,002	1,402,463,002

14 . CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	223,817,364	223,707,067
Chi phí bảo hiểm	50,207,721	31,586,022
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	38,456,485	36,711,469
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	582,506,936	354,284,062
	894,988,506	646,288,620
b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	607,015,432	538,689,273
Chi phí thuê đất	13,498,697,587	13,615,460,872
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	3,184,029,646	3,530,892,093
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	163,017,643	97,381,796
	17,452,760,308	17,782,424,034

15 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty con	908,464,765	1,038,245,446
	908,464,765	1,038,245,446

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hà Lan	13,475,700,250	10,421,148,920
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại Tiến Nhân	15,863,029,769	4,701,611,195
Công ty TNHH XNK bột mỳ Tuấn Yến	8,802,522,374	-
Công ty Cổ phần Thương Mại và Xây Dựng Hạ Tầng ANAMA	6,836,267,400	9,806,537,400
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp	8,447,665,814	9,782,083,214
Công ty Cổ phần Đầu tư Alohome	32,186,155,438	32,186,155,438
Các khoản phải trả khác	45,182,955,569	36,899,110,249
	130,794,296,614	103,796,646,416

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa (*)	55,000,000,000	54,200,000,000
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Tonghe Vina	54,454,556,316	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Quốc tế Bảo Tín	31,614,433,160	-
Trả trước khác	26,619,698,618	5,352,591,244
	167,688,688,094	59,552,591,244

(*) Đây là khoản tiền mà Công ty trên trả trước tiền liên quan đến hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất thuê ngày 15/12/2022, tại công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ: Lô A2 CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc đã lập hóa đơn cho giao dịch chuyển nhượng này vào ngày 09/02/2023 tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, giao dịch chuyển nhượng trên chưa được hoàn thành về mặt pháp lý do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất chưa được sang tên cho Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa.

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)

	8,707,329,996	1,112,825,000
--	---------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC
Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	8,768,113	13,425,265,155	12,704,674,649	13,103,610,603	8,768,113	13,026,329,201
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	18,904,974,443	2,095,350,018	-	-	21,000,324,461
Thuế Thu nhập cá nhân	-	93,126,515	136,037,013	47,481,518	-	181,682,010
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	891,820,893	-	763,665,902	-	128,154,991
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1,000,000	-	-	-	1,000,000	-
	<u>9,768,113</u>	<u>33,315,187,006</u>	<u>14,936,061,680</u>	<u>13,914,758,023</u>	<u>9,768,113</u>	<u>34,336,490,663</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19 . DOANH THU CHỜ PHÂN BỐ NGẮN HẠN

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	1,068,340,915	946,181,822
	1,068,340,915	946,181,822

20 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	918,376,197	1,764,160
Bảo hiểm y tế	168,321,396	-
Bảo hiểm thất nghiệp	70,171,610	-
Mượn tiền ông Trần Viết Thỏa	9,000,000,000	-
Mượn tiền ông Đinh Xuân Hải	9,000,000,000	-
Mượn tiền bà Cù Thị Hoài Thương	9,000,000,000	-
Mượn tiền bà Lê Thị Tuyết Lan	9,000,000,000	-
Mượn tiền bà Nguyễn Thị Hương Trang	10,000,000,000	-
Các khoản phải trả khác	485,111,873	484,375,780
	47,641,981,076	486,139,940

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

MÃ SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2026		Trong kỳ		31/03/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	550,131,230,935	550,131,230,935	371,051,397,750	(338,685,498,467)	582,497,130,218	582,497,130,218
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	55,258,467,358	55,258,467,358	9,693,884,000	(8,937,730,923)	56,014,620,435	56,014,620,435
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	49,995,000,000	49,995,000,000	-	-	49,995,000,000	49,995,000,000
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	64,454,191,400	64,454,191,400	44,832,292,000	(60,333,603,288)	48,952,880,112	48,952,880,112
Ngân hàng TMCP Quân Đội	74,820,320,156	74,820,320,156	42,000,000,000	(41,998,367,260)	74,821,952,896	74,821,952,896
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	21,972,371,256	21,972,371,256	-	-	21,972,371,256	21,972,371,256
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	59,097,713,406	59,097,713,406	20,000,000,000	(59,097,713,406)	20,000,000,000	20,000,000,000
Ngân hàng TMCP An Bình	199,736,746,330	199,736,746,330	168,525,221,750	(168,318,083,590)	199,943,884,490	199,943,884,490
Ngân hàng thương mại TNHH E.SUN	-	-	60,000,000,000	-	60,000,000,000	60,000,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	24,796,421,029	24,796,421,029	26,000,000,000	-	50,796,421,029	50,796,421,029

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	01/01/2024		Trong kỳ		31/03/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	22,075,638,982	22,075,638,982	5,521,429,572	(5,521,429,572)	22,075,638,982	22,075,638,982
Ngân hàng TMCP An Bình	12,275,634,982	12,275,634,982	3,071,428,572	(3,071,428,572)	12,275,634,982	12,275,634,982
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	9,800,004,000	9,800,004,000	2,450,001,000	(2,450,001,000)	9,800,004,000	9,800,004,000
Tổng cộng vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	572,206,869,917	572,206,869,917	376,572,827,322	(344,206,928,039)	604,572,769,200	604,572,769,200
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Ngân hàng TMCP An Bình	58,367,222,158	58,367,222,158	-	(3,071,428,572)	55,295,793,586	55,295,793,586
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	74,783,325,000	74,783,325,000	-	(2,450,001,000)	72,333,324,000	72,333,324,000
	133,150,547,158	133,150,547,158	-	(5,521,429,572)	127,629,117,586	127,629,117,586

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Đơn vị tính: VND

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/03/2026	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
I	Vay ngắn hạn							
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Hợp đồng cho vay hạn mức số 406-03/2024- HDCVHM/NHCT131-BN ngày 16/01/2024	45,000,000,000	Tài trợ vốn lưu động, nhập khẩu/mua trong nước nguyên vật liệu/ hàng hóa liên quan đến hoạt động kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	582,497,130,218 56,014,620,435 2,445,073,995	582,497,130,218 56,014,620,435 2,445,073,995	- Đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 05-03/2024- HDCVHM/NHCT131-HH ngày 09 tháng 01 năm 2024.	60,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	53,569,546,440	53,569,546,440	- Đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Bắc Ninh Hợp đồng cho vay hạn mức số VN123001244/2023- HDCVHM/WBVN300 ngày 28/02/2023	50,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	49,995,000,000 49,995,000,000	49,995,000,000 49,995,000,000	Bảo lãnh bằng tài sản của cổ đồng lớn (ông Lê Đức Thuần).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Đơn vị tính: VND

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/03/2026	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
3	Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam					48,952,880,112	48,952,880,112	
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/02/BCB/HDTĐ ngày 12/01/2022 và hợp đồng bổ sung số HN/2022/02/BCB/HDTĐ/BS1 ngày 11/01/2023					9,392,880,112	9,392,880,112	
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/04/BCB/HDTĐ ngày 12/01/2022 và Hợp đồng bổ sung số HN/2022/03/BCB/HDTĐ/BS1 ngày 11/01/2023;							
	Hợp đồng bổ sung tín dụng lần thứ 2 số HN/2022/04/BCB/HDTĐ/BS2 ngày 16/12/2024;	70,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	21,810,000,000	21,810,000,000	
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/03/BCB/HDTĐ ngày 12/01/2022 và Hợp đồng bổ sung số HN/2022/03/BCB/HDTĐ/BS1 ngày 11/01/2023					17,750,000,000	17,750,000,000	
								- Đảm bảo bằng tài sản
4	Ngân hàng TMCP Quân Đội					74,821,952,896	74,821,952,896	
	Hợp đồng cấp tín dụng số 234855.24.056.1516289.TD ngày 08/08/2024	75,000,000,000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bán lẻ của khách hàng	Từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 15/07/2025	Theo từng giấy nhận nợ	74,821,952,896	74,821,952,896	- Đảm bảo bằng tài sản
5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng					21,972,371,256	21,972,371,256	

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC
Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Đơn vị tính: VND							
STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/03/2026	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng
	Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC- 26425-01 ngày 13/09/2024	80.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh sản xuất, thương mại bánh kẹo, nông sản.	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	21,972,371,256	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng
							Tài sản đảm bảo
							Bảo lãnh bằng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2024/HĐTG/VPB- BAONGOC; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 10722/11366296/VPB-BN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Đơn vị tính: VND

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/03/2026	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
6	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam Hợp đồng cấp tín dụng số DDA20241892479/HDTĐ ngày 16/05/2024	80,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh nông sản điều	12 tháng	Áp dụng theo từng lần giải ngân	20,000,000,000	20,000,000,000	- Đảm bảo bằng tài sản
7	Ngân hàng TMCP An Bình Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1140/24/TĐ/SME/116 ngày 24/09/2024	200,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	199,943,884,490	199,943,884,490	- Đảm bảo bằng tài sản
8	Ngân hàng thương mại TNHH E.SUN Thỏa thuận tín dụng số 10001373LD001202622 ngày 20/03/2026	60,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	60,000,000,000	60,000,000,000	- Đảm bảo bằng tài sản
9	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 292/2025/HDTĐ/HTH ngày 27/11/2025	100,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	50,796,421,029	50,796,421,029	- Tín chấp
II	Vay dài hạn							
I	Ngân hàng TMCP An Bình Hợp đồng cho vay từng lần số 1142/24/TĐ/SME/116 ngày 24/09/2024	86,000,000,000	Vay bù đắp tài chính	84 tháng	9%/năm	67,571,428,568	12,275,634,982	- Đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Hợp đồng tín dụng số DDA20242010665/HDTĐ ngày 28/06/2024; Phụ lục số DDA20242010665/HDTĐ/PL 2379196 ngày 11/10/2024	98,000,000,000	Cho vay đầu tư tài sản cố định là nhà xưởng, khu văn phòng	120 tháng	9,01%/năm	82,133,328,000	9,800,004,000	- Đảm bảo bằng tài sản
Tổng cộng các khoản vay						732,201,886,786	604,572,769,200	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2,601,940,535	3,041,739,879
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(827,560,193)
	2,601,940,535	2,214,179,686
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế thu nhập	-	827,560,193
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(827,560,193)
	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Quý 1 năm 2025						
Tại ngày 01/01/2025	312,493,940,000	79,978,400,000	3,055,393,794	123,811,057,065	19,726,331,868	539,065,122,727
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	(863,287,425)	(2,903,528,971)	(3,766,816,396)
Giảm khác	-	-	-		(315,833,569)	(315,833,569)
Tại ngày 31/03/2025	312,493,940,000	79,978,400,000	3,055,393,794	122,947,769,640	16,506,969,328	534,982,472,762
Quý 1 năm 2026						
Tại ngày 46023	312,493,940,000	79,978,400,000	3,055,393,794	172,447,464,248	8,910,321,732	576,885,519,774
Lãi trong kỳ này	-	-	-	3,713,303,493	(582,455,343)	3,130,848,150
Điều chỉnh khác	-	-	-	979,120,841	262,345,345	1,241,466,186
Tại ngày 46112	312,493,940,000	79,978,400,000	3,055,393,794	177,139,888,582	8,590,211,734	581,257,834,110

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/03/2026	Tỷ lệ	01/01/2026
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Lê Đức Thuận	36.06%	112,696,680,000	36.06%	112,696,680,000
Vốn góp của các cổ đông khác	63.94%	199,797,260,000	63.94%	199,797,260,000
	100%	312,493,940,000	100%	312,493,940,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	312,493,940,000	312,493,940,000
- Vốn góp đầu kỳ	312,493,940,000	312,493,940,000
- Vốn góp cuối kỳ	312,493,940,000	312,493,940,000

d) Cổ phiếu

	31/03/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31,249,394	31,249,394
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31,249,394	31,249,394
- Cổ phiếu phổ thông	31,249,394	31,249,394
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31,249,394	31,249,394
- Cổ phiếu phổ thông	31,249,394	31,249,394
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3,055,393,794	3,055,393,794
	3,055,393,794	3,055,393,794

24 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	159,973,299,124	155,171,469,526
Doanh thu bán hàng hóa	41,926,400,200	251,009,215,074
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1,896,469,378	783,790,626
	203,796,168,702	406,964,475,226
Doanh thu đối với các bên liên quan	2,200,806,566	35,411,384

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1,203,212,467	2,257,109,786
Hàng bán bị trả lại	350,524,766	1,557,829,705
Giảm giá hàng bán	-	-
	1,553,737,233	3,814,939,491

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	125,659,907,101	151,828,645,690
Giá vốn của hàng hóa đã bán	40,485,359,268	220,010,026,468
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	792,541,116	315,323,538
	166,937,807,485	372,153,995,696

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	436,540,172	547,699,540
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	1,033,481,829
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	322,030
	436,540,172	1,581,503,399

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Lãi tiền vay	15,348,760,897	13,910,761,907
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	154,557,697
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết	(4,121,314,685)	-
Chi phí tài chính khác	-	153,316
	11,227,446,212	14,065,472,920

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	-	29,750,000
Chi phí nhân công	5,671,893,116	2,784,388,471
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42,641,203	176,075,184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,607,706,735	8,576,025,712
Chi phí khác bằng tiền	9,800,000	60,600,000
	11,332,041,054	11,626,839,367

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thị trấn Thủ Đức, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	348,225,461	157,331,910
Chi phí nhân công	3,763,319,934	1,888,321,956
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,624,998,237	642,386,763
Thuế, phí, lệ phí	412,365,090	71,650,417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	214,323,178	2,373,928,828
Lợi thế thương mại	129,780,681	142,832,140
Chi phí khác bằng tiền	1,597,686,346	1,749,060,408
	8,090,698,927	7,025,512,422

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,350,597,329	(2,467,356,259)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,096,030,649	2,981,502,281
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,096,030,649	2,981,502,281

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	3,713,303,493	(863,287,425)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3,713,303,493	(863,287,425)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	31,249,394	31,249,394
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	119	(28)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	124,453,631,174	253,973,999,873
Chi phí nhân công	13,503,907,516	9,012,075,933
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,752,263,271	5,257,897,523
Chi phí thuế và lệ phí	412,365,090	27,025,066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,315,338,792	13,574,589,954
Chi phí khác bằng tiền	1,610,010,410	1,374,489,481
	154,047,516,253	283,220,077,830

Mẫu số B 09-DN

34 . CÔNG CU TÀI CHÍNH

		Giá trị sổ kế toán			
		31/03/2026		01/01/2026	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	33,872,999,314	-	22,903,169,270	-	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	427,289,101,159	-	582,926,940,282	-	
Các khoản cho vay	-	-	22,500,000,000	-	
Đầu tư ngắn hạn	202,200,000,000	-	30,200,000,000	-	
	663,362,100,473	-	658,530,109,552	-	

	Giá trị sổ kế toán	
	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	732,201,886,786	705,357,417,075
Phải trả người bán, phải trả khác	180,225,417,690	106,071,926,356
	912,427,304,476	811,429,343,431

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/03/2026				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33,872,999,314	-	-	33,872,999,314
Phải thu khách hàng, phải thu khác	427,137,101,159	152,000,000	-	427,289,101,159
Đầu tư ngắn hạn	202,200,000,000	-	-	202,200,000,000
	663,210,100,473	152,000,000	-	663,362,100,473
Tại ngày 01/01/2026				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22,903,169,270	-	-	22,903,169,270
Phải thu khách hàng, phải thu khác	582,774,940,282	152,000,000	-	582,926,940,282
Các khoản cho vay	22,500,000,000	-	-	22,500,000,000
Đầu tư ngắn hạn	30,200,000,000	-	-	30,200,000,000
	658,378,109,552	152,000,000	-	658,530,109,552

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/03/2026				
Vay và nợ	604,572,769,200	104,295,813,586	23,333,304,000	732,201,886,786
Phải trả người bán, phải trả khác	178,436,277,690	1,789,140,000	-	180,225,417,690
	783,009,046,890	106,084,953,586	23,333,304,000	912,427,304,476
Tại ngày 01/01/2026				
Vay và nợ	572,206,869,917	88,292,476,622	44,858,070,536	705,357,417,075
Phải trả người bán, phải trả khác	104,282,786,356	1,789,140,000	-	106,071,926,356
	676,489,656,273	90,081,616,622	44,858,070,536	811,429,343,431

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất và thương mại VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	200,345,962,091	1,896,469,378	202,242,431,469
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	166,145,266,369	792,541,116	166,937,807,485
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	34,200,695,722	1,103,928,262	35,304,623,984
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	1,000,000,000
Tài sản bộ phận trực tiếp	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	1,701,667,511,029
Tổng tài sản	-	-	1,701,667,511,029
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1,120,409,676,919
Tổng nợ phải trả	-	-	1,120,409,676,919

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÀU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và sổ dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Quý I năm 2026 VND	Quý I năm 2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		2,200,806,566	4,040,730,133
Công ty CP Á Long	(1)	22,715,280	16,115,543
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(3)	35,805,559	19,295,841
Công ty CP Thương mại Quốc tế Bavigo	(4)	1,629,946,838	4,005,318,749
Công ty CP Dược phẩm Hoa Việt	(2)	512,338,889	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		3,688,680,035	2,705,855,274
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(3)	3,321,492,284	2,705,523,958
Công ty CP Tập đoàn Cà phê Mê Trang	(5)	206,031,444	-
Công ty CP Thương mại Quốc tế Bavigo	(4)	1,265,568	331,316
Công ty CP Dược phẩm Hoa Việt	(2)	159,890,739	-

Sổ dư tại ngày kết thúc kỳ:

	Mối quan hệ	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu khách hàng		77,761,835,475	83,029,371,386
Công ty CP Á Long	(1)	54,532,502	-
Công ty CP Tập đoàn Cà phê Mê Trang	(5)	-	184,074,553
Công ty CP Dược phẩm Hoa Việt	(2)	-	4,597,734,636
Công ty CP Thương mại quốc tế Bavigo	(4)	77,707,302,973	78,247,562,197
Trả trước cho người bán		74,745,117,362	63,976,192,718
Công ty CP Sản xuất Bao bì Tây Đô	(3)	3,401,003,260	3,953,918,527
Ông Lê Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	43,300,000,000	43,300,000,000
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cà Phê Mê Trang	(5)	28,044,114,102	16,722,274,191
Người mua trả tiền trước		8,707,329,996	1,112,825,000
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(3)	8,707,329,996	-
Công ty CP Dược phẩm Hoa Việt	(2)	-	442,825,000
Công ty CP Á Long	(1)	-	670,000,000

(1) Chủ tịch HĐQT của Công ty, đồng thời là cổ đông lớn kiêm Tổng giám đốc của Công ty trên.

(2) Công ty liên kết của Công ty con - Công ty Bảo Ngọc Miền Bắc đến ngày 09/03/2026.

(3) Chủ tịch HĐQT Công ty trên đồng thời là Tổng Giám đốc của Công ty mẹ.

(4) Thành viên HĐQT Công ty là Giám đốc của bên liên quan.

(5) Chủ tịch HĐQT Công ty là thành viên HĐQT của bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
		VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		191,665,041	77,301,000
Ông Lê Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	121,190,824	
Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên HĐQT	70,474,217	
Bà Lê Thị Thanh Huyền	Trưởng ban kiểm soát	-	35,148,000
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	-	42,153,000

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng Quý I và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2025, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý I, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng Quý I và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán Quý I năm 2025 do Công ty lập.



Trần Thị Sáng
Người lập



Trần Thị Sáng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC**

Số: 36/CV-2026

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế
chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ
năm trước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0105950129

Trụ sở: Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0243 7805 022

Website: <http://banhbaongoc.vn>

Căn cứ vào khoản 4 điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC- Hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư Bảo Ngọc xin giải trình liên quan đến Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 cụ thể như sau:

Tại báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư Bảo Ngọc chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ năm 2025, số liệu theo bảng dưới đây:

SỐ LIỆU BÁO CÁO RIÊNG

Chỉ tiêu	Quý 1 năm 2026	Quý 1 năm 2025	Chênh lệch (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	158,342,255,246	163,693,350,913	-3.27%
Giá vốn hàng bán	126,772,556,968	134,562,719,479	-5.79%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	222,033,972	6,447,814,723	-96.56%



SỐ LIỆU BÁO CÁO HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Quý 1 năm 2026	Quý 1 năm 2025	Chênh lệch (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	202,242,431,469	403,149,535,735	-49.83%
Giá vốn hàng bán	166,937,807,485	372,153,995,696	-55.14%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3,130,848,150	(3,766,816,396)	183.12%

Lý do Lợi nhuận sau thuế chênh lệch trên 10%:

Đối với báo cáo tài chính riêng:

Trong kỳ, doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận mức giảm 3,27% so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời, các khoản chi phí bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính (đặc biệt là chi phí lãi vay) đều gia tăng, chủ yếu do tác động của việc các ngân hàng điều chỉnh tăng lãi suất thả nổi.

Sự sụt giảm doanh thu cùng với áp lực chi phí gia tăng đã dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với báo cáo tài chính hợp nhất:

Doanh thu thuần hợp nhất trong kỳ giảm mạnh 49,83% so với cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu do Công ty đã thực hiện thoái vốn tại công ty con Thành Nam từ cuối năm 2025, dẫn đến việc không còn ghi nhận doanh thu hợp nhất từ đơn vị này.

Các khoản chi phí như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính trong kỳ có biến động nhưng không đáng kể, không phải là yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả lợi nhuận.

Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế hợp nhất trong Quý I năm 2026 vẫn ghi nhận mức tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do, vào ngày 09/03/2026, Công ty con Bảo Ngọc Miền Bắc đã hoàn tất việc thoái vốn tại Công ty Hoa Việt, qua đó đơn vị này không còn được ghi nhận là công ty liên kết. Theo đó, Công ty đã thực hiện hoàn nhập khoản dự phòng đầu tư với giá trị hơn 4 tỷ đồng, góp phần làm gia tăng lợi nhuận trong kỳ.

Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 đã được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ: <http://banhbaongoc.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Đăng tải lên Website
- Lưu VT

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
ĐẦU TƯ BẢO NGỌC**

(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Quang Phi Tín

